

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 4**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Số gồm 4 trăm, 6 chục, 1 đơn vị viết là:

- A. 146 B. 461 C. 416 D. 164

Phương pháp

Viết số lần lượt từ hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị.

Cách giải

Số gồm 4 trăm, 6 chục, 1 đơn vị viết là **461**

Chọn **B**

Câu 2. Cho dãy số: 102; 112; 122;;; 152; 162. Hai số điền vào chỗ trống lần lượt là:

- A. 132; 133 B. 132; 142 C. 142; 152 D. 122; 132

Phương pháp

Đếm thêm 10 đơn vị. Từ đó ta tìm được 2 số còn thiếu trong dãy số.

Cách giải

Ta thấy, dãy số trên gồm các số tăng dần 10 đơn vị.

Vậy hai số còn thiếu là 132 ; 142.

Chọn **B**

Câu 3. Số 769 được viết thành:

- A. $7 + 6 + 9$ B. $700 + 90 + 6$
C. $900 + 60 + 7$ D. $700 + 60 + 9$

Phương pháp

Xác định giá trị của mỗi chữ số rồi viết số đã cho thành tổng.

Cách giải

$$769 = 700 + 60 + 9$$

Chọn **D**

Câu 4. Số liền trước của số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 986 B. 987 C. 989 D. 998

Phương pháp

- Tìm số lớn nhất có ba chữ số khác nhau

- Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là 987.

Vậy số liền trước của số lớn nhất có ba chữ số khác nhau là 986.

Chọn **A**.

Câu 5. Con chó cân nặng hơn con vịt bao nhiêu ki-lô-gam?



- A. 13 kg B. 10 kg C. 7 kg D. 3 kg

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để trả lời câu hỏi.

Cách giải

Con chó cân nặng hơn con vịt là $10 - 3 = 7$ (kg)

Chọn C

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCD có các đoạn thẳng $AB = 123$ cm, $BC = 1$ m, $CD = 34$ dm là:

- A. 158 cm B. 257 cm
C. 563 cm D. 167 cm

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{ m} = 100$ cm ; $1\text{ dm} = 10$ cm

Độ dài đường gấp khúc ABCD bằng tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD

Cách giải

Đổi: $1\text{ m} = 100$ cm ; $34\text{ dm} = 340$ cm

Độ dài đường gấp khúc ABCD là $123 + 100 + 340 = 563$ (cm)

Chọn C

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $246 + 47$ b) $195 + 243$ c) $940 - 627$ d) $667 - 48$

Phương pháp

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau.

- Cộng hoặc trừ các chữ số cùng hàng lần lượt từ phải sang trái.

Cách giải

$$\begin{array}{r} 246 \\ + 47 \\ \hline 293 \end{array} \quad \begin{array}{r} 195 \\ + 243 \\ \hline 438 \end{array} \quad \begin{array}{r} 940 \\ - 627 \\ \hline 313 \end{array} \quad \begin{array}{r} 667 \\ - 48 \\ \hline 619 \end{array}$$

Câu 2. Tính:

- a) $315 + 37 - 228$ b) $506 - 81 + 265$

Phương pháp

Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải.

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 315 + 37 - 228 &= 352 - 228 \\ &= 124 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 506 - 81 + 265 &= 425 + 265 \\ &= 690 \end{aligned}$$

Câu 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm:

- a) Một bước chân của em **không thể** dài 2m
- b) $930 \text{ m} + 70 \text{ m}$ **chắc chắn** lớn hơn 1 km
- c) Hiệu của hai số tròn chục **có thể** là một số không tròn chục

Phương pháp

Đọc mỗi câu rồi xác định tính đúng, sai.

Cách giải

- a) Một bước chân của em **không thể** dài 2m **Đ**
- b) $930 \text{ m} + 70 \text{ m}$ **chắc chắn** lớn hơn 1 km **S**
- c) Hiệu của hai số tròn chục **có thể** là một số không tròn chục **S**

Câu 4. Thùng thứ nhất chứa 467 lít dầu, thùng thứ hai chứa nhiều hơn thùng thứ nhất 35 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít dầu?

Phương pháp

Số lít dầu ở thùng thứ hai = số lít dầu ở thùng thứ nhất + 35 lít

Cách giải

Thùng thứ hai chứa số lít dầu là

$$467 + 35 = 502 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 502 lít dầu

Câu 5. Tìm hiệu của số chẵn lớn nhất có ba chữ số và số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau?

Phương pháp

- Tìm số chẵn lớn nhất có ba chữ số và số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau
- Tìm hiệu hai số đó

Cách giải

Số chẵn lớn nhất có ba chữ số là 998

số lẻ nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau là 103

Hiệu hai số là $998 - 103 = 895$

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com

Loigiai